

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THÍ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM**

Địa chỉ: 48 Cửu Long, Phường 02, Quận Tân Bình, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 08.67776245 - 0932.369.799

Website: www.etsc.vn; Email: etsc.vn@gmail.com



ISO/IEC 17025:2017

Số/ No: 52/2025/KT-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM TRA EXAMINATION REPORT	Ngày/ Date: 09/01/2025 Trang/ Page: 1/2
-------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: Customer:	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIỀN NAM TRẠM 500KV THUẬN NAM Thôn Quán Thê 1, X.Phước Minh, H.Thuận Nam, T.Ninh Thuận.	
2. Địa chỉ kiểm tra: Place of inspecting:	PTN - ETSC	
3. Đối tượng kiểm tra: Type of inspecting:	Sào thao tác cao thế/ High voltage insulation pole	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: Quantity/Installation location:	01 thiết bị/ 01 Devices; Di động ngoài công trường/ Mobile off-site	
5. Phương pháp kiểm tra: Method of inspecting:	ETSC/KĐ/QT-06; TCVN 8096-200: 2010; TCVN 6615-1: 2009; QCVN QTD-5: 2009/BCT; TCVN 5587:1991; Tài liệu kỹ thuật NSX	
6. Thời gian thực hiện: Inspection Date:	09/01/2025	
7. Thông số kỹ thuật: Specification:	Loại/ Type:	PRE/ PSE200/ PSE300
	Số chế tạo / Seri No	4807-002/4712-006/4814-001
	Điện áp sử dụng/ AC. Use voltage:	480 Kv
	Chiều dài/ Length:	3.050/ 2.050/ 3.050mm
	Tiết diện/ Section:	(3x40)mm ²
	Năm sản xuất/ Date of manufacture:	05/2021
8. Phương tiện kiểm tra: Inspecting equipment:	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ.	
	9. Điều kiện môi trường: Environmental conditions:	
10. Kết quả kiểm tra: Inspecting result:	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
	11. Tem kiểm tra: Testing stamp No:	
12. Kết luận Conclusion	15/25/ETSC	
	Các chỉ tiêu kiểm tra phù hợp theo quy định/ The inspection criteria are consistent with the regulations	
13. Thời hạn kiểm tra lần sau: Next test date	01/2026	

Người Thực Hiện
Executor**Trần Văn Minh****Nguyễn Quốc Hoàn**



Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra tình trạng bên ngoài/ *Check out the outside condition:* Bình thường/ *Normal*

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ *Check geometric dimensions:*

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài sào/ <i>Length</i>	mm	3.050/ 2.050/ 3.050	3.050/2.050/3.050
2	Đường kính/ <i>Diameter</i>			
	- Đoạn 1/ <i>Line 1</i>	mm	40	40,05
	- Đoạn 2/ <i>Line 2</i>	mm	40	40,04
	- Đoạn 3/ <i>Line 3</i>	mm	40	40,04

10.3 Điện trở cách điện/ *Insulation resistance:*

Đối tượng Object	Trước khi thử cao thế/ <i>Before trying so high</i> (MΩ)	Sau khi thử cao thế/ <i>After trying so high</i> (MΩ)	Đánh giá Evaluate
Pha A-Vỏ (Case)	> 50 000	> 50 000	Đạt/ <i>Pass</i>

10.4 Điện áp xoay chiều tần số công nghiệp/ *Industrial frequency alternating voltage:*

Đối tượng Object	U (kV)	t (minutes)	Mức quy định Standard level	Kết quả Result
Phase A-Vỏ (Case)	100kV/30cm	1	Chịu được/ <i>Pass</i>	Không phóng điện/ <i>No discharge inspection</i>